

အာဇာနည် ပြေရာ

Harei

ကန်

Akhar Thrah



ဟုတ်...

-@- Kawom cheh Ndom Mayai dalam sap Cam -@-

(<http://www.facebook.com/groups/ndom.mayai.sap.Cam>)

-@-Panuec payua-@-

Trong lòng luôn bức rức với những nỗi buồn man mác về một thứ tiếng, tuy vẫn được gọi là "Ngôn ngữ Mẹ đẻ" nhưng tiếc thay khả năng sử dụng chúng quá ư là tẻ nhạt, độn ngoại lai đến hơn 50% trong tiếng nói giao tiếp hàng ngày. Vậy còn chữ viết thì sao?

Với mong muốn nhỏ nhoi cùng gìn giữ và bảo lưu những giá trị truyền thống văn hóa cao đẹp của cha ông, chẳng đi đâu chi xa vời, hãy trở lại với tiếng nói và chữ viết, ta sẽ thấy được nhiều?

Quyển tập "Akhar Thrah 7 Harei" hy vọng sẽ giúp cho các bạn, cho những ai biết nói nhưng còn chưa nhận dạng được mặt chữ có thể từng bước một tự học một mình và sẽ vỡ òa trong hạnh phúc chỉ sau 1 tuần (Tất nhiên nếu có được một người hướng dẫn thì càng tốt, và thời gian sẽ càng rút gọn^^)

Quyển tập được trình bày bằng 3 thứ chữ song hành: Cham Akhar Thrah, Cham Rumi (*chuyển tự từ Akhar Thrah sang ký tự Latin dựa theo hệ thống Rumi của E.F.E.O - France*) và nghĩa tiếng Việt tương đương. Chuyển tự Latin sẽ giúp bạn rất nhiều trong việc phát âm với những từ ngữ và các ví dụ đơn giản, và, với mong muốn sau khi hoàn thành thời gian tự học, các bạn không những có thể đọc được Akhar Thrah mà còn lưu loát Cham Rumi nữa.

Quyển tập được chia thành 3 chương riêng biệt. Chương 1 giới thiệu các chữ cái và được phân ra thành 8 bài học. Chúng ta học từng bài một ngày đến bài thứ 7 thì về cơ bản đã đọc viết được rồi. Tuy nhiên để nắm vững ngữ pháp và từ vựng, chúng ta nên tiếp tục đọc thêm các chương còn lại. Chúc các bạn thành công!

"Akhar Thrah 7 Harei" ra đời với mục đích phi lợi nhuận, hy vọng các bạn sẽ yêu thích nó và phổ biến rộng rãi hầu giúp ích được một phần nào nhỏ nhỏ cho cộng đồng Cham chúng ta.

Rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các quý bạn, quý anh chị xa gần qua địa chỉ Ikandiram84ae@gmail.com để Quyển tập ngày càng hoàn thiện hơn và dễ dàng tự học hơn, sinh động hơn.

Xin cảm ơn!

---Ikạn di Rạm---

NGÔN NGỮ - CHỮ VIẾT

Khái quát (sơ lược)

I- Khái quát về chữ viết Cham

Theo nhiều công trình nghiên cứu, người Cham thuộc chủng tộc Nam Á, tiếng nói của họ rất gần gũi với các dân tộc Raglai, Curu, Jarai, Randaiy (Ê-đê), thuộc nhóm ngôn ngữ Malayo - Polinesien (Mã Lai - Đa Đảo).

Căn cứ vào việc nghiên cứu các văn bia Champa đã được tìm thấy có niên đại từ thế kỷ thứ II (Bia Võ Cạnh, Khánh Hòa) đến những bia có niên đại khá muộn vào thế kỷ thứ XV (bia ký Biên Hòa và thành phố Hồ Chí Minh), các nhà khoa học tạm chia quá trình hình thành và phát triển văn tự Cham làm 3 giai đoạn: *Sankrit*, *Cham cổ* và chữ Cham *Akhar Thrah*.

-Chữ Cham *Sankrit*: Tập trung ở các bia ký có niên đại từ thế kỷ thứ II đến thứ VIII, được viết bằng chữ Phạm Nam Ấn.

-Chữ *Cham cổ*: Loại chữ này thường được phát hiện ở các bia ký tại Đồng Dương, Quảng Nam có niên đại đầu thế kỷ thứ IX được viết bằng hai thứ chữ Sankrit và chữ Cham cổ. Tiêu biểu nhất là bia ký Lai Cam có tự dạng tròn, có nét viết liên tục và hoàn thiện dần cho đến bia ký Po Nagar (thế kỷ X đến XII) hoặc bia ký Biên Hòa (thế kỷ XV). Một số bia ký trong giai đoạn này được viết bằng *Akhar Rik*.

-Chữ Cham *Akhar Thrah*: bắt nguồn từ các kiểu chữ *Akhar Rik* (chữ cổ,...). *Akhar Tapuk* (chữ sách), *Akhar Yok* (chữ bí ẩn, thần bí), *Akhar Galimâng* (chữ con nhện), *Akhar Tuer* (chữ treo, chữ tắt)... là dạng trung gian có tính cá biệt của *Akhar Thrah*. Loại văn tự này lần đầu tiên được giới thiệu một cách có hệ thống và dùng trong từ điển Cham-Pháp của Aymonier và A.Cabaton. (E.Aymonier & A.Cabaton, *Dictionnaire Cham-Français*, Publications de l'École Française d'Extrême-Orient, Paris, 1906)

Ngày nay, *Akhar Thrah* được dùng phổ biến trong các bản viết tay của kinh sách Balamon và Bani, cách tính lịch, văn học dân gian, các văn tự công văn giấy tờ hành chính và thế kỷ thứ XIX (văn tự mái ruộng đất), *Biên niên sử Champa Panduranga*... Các sách giao khoa cấp tiểu học tiếng Cham vùng Ninh Thuận, Bình Thuận cũng dùng *Akhar Thrah*.

II- Đặc thù tiếng nói chữ viết Cham

So với tiếng phổ thông (tiếng Việt), ngoài những điểm tương đồng về ngữ pháp như trật tự từ trong câu, cấu trúc câu, có chung lối nói lối suy nghĩ của cư dân châu Á nông nghiệp, tiếng Cham còn có sự dị biệt riêng của ngôn ngữ như: Cách viết, cách đọc, có nhận có âm vị căng chùng, nguyên âm ngắn dài, cấu trúc âm tiết không tuyến tính.

Âm vị phụ âm đầu tiếng Cham: Có âm vực căng và chùng từng cặp (tiếng Việt không có). Ví dụ: K và G; Kh và Gh; C và J; Ch và Jh...

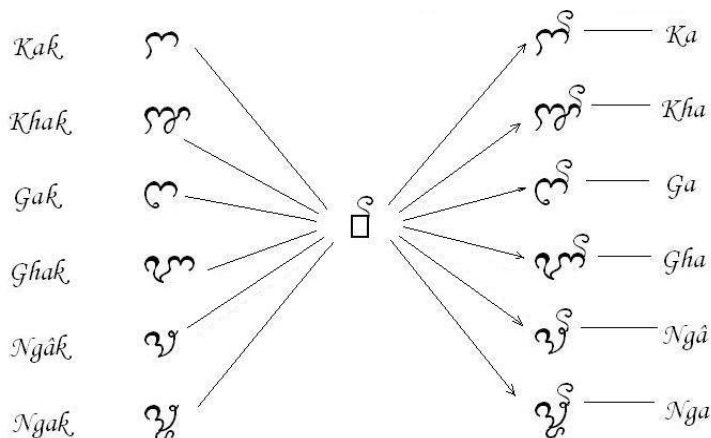
III- Một số vấn đề cần lưu ý trong quá trình học tiếng Cham

Do có một số đặc thù khác biệt so với tiếng Việt nên trong quá trình học tiếng và chữ Cham, các học viên cần chú ý một số vấn đề sau:

- Chữ Cham được viết treo ở bên dưới đường chuẩn.
- Nét chữ Cham được viết tròn theo chiều kim đồng hồ, từ dưới lên trên.
- Vần của chữ Cham gồm một hay nhiều dấu âm có vị trí ở xung quanh phụ âm đầu.
- Phụ âm cuối là cái có nét bên phải kéo dài xuống.
- Thanh điệu trong tiếng Cham chính là âm vực, không có giá trị khu biệt nghĩa như thanh điệu trong tiếng Việt.

Theo Kay Amurh (Dân tộc Cham)
Văn hóa các dân tộc số 10

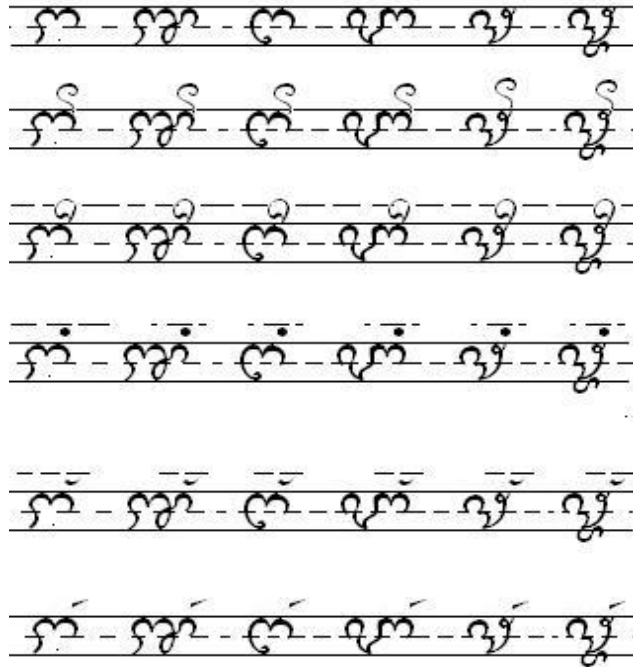
Ikan di Ram



ယွှာ ဘဲ ဝာဝာ ဝေံ ဝေံ တခါ နာကော ကဝီ

Ngap yau nan saong dom takai akhar karei (Thực hiện tương tự đối với các dấu âm khác)

ဖွဲ့ မှုက: Threm wak (Tập viết)



ဖွဲ့ မှုက ဝေံက ဖိယ ဝေံ ဝေံ ကခါက ဘဲ ဝေံ ဝေံ

Threm wak rup éng hu ralo kanain ye hu siam (Tự tập viết được càng nhiều hàng thì càng tốt ^^)

အိအိအိအိအိအိ



"တခါ ဘာက ခခါ ဝေံ တခါ ဘာက ကါက"

"Takai juak aih halei takai kaoh klak"

အိအိ

Ikan di Ram

ဒြေ့ရ ကွဲဒွာ ကွဲဟာက နွဲကွဲဟေ့
ကွဲကွဲ ကွဲဟေ့ ကွဲဟေ့ ကွဲဟေ့ ကွဲဟေ့

☆☆☆ **တၢ်ကၢၤ နူကဵုကတိတ်:**

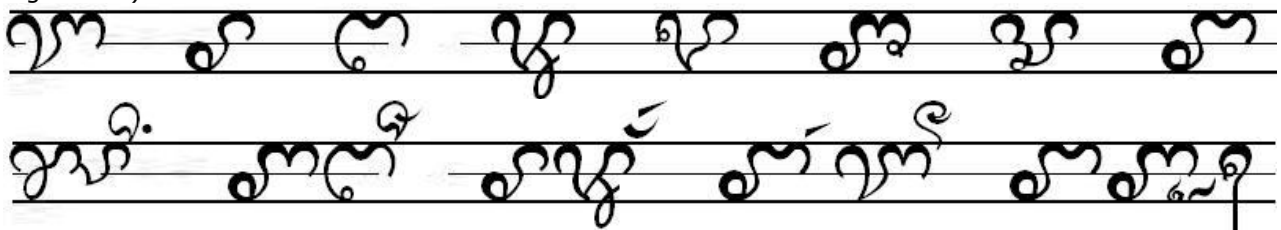
☆☆☆ **Takai akhar (Dấu âm)**

၀	Balau paoh thek tapong -e	ပၢၤတၢ် (paje: ròi) ပၢၤတၢ် (sang Ye: (nhà truyền thống))
၀	takai kik tut takai māk dalam -i	ကၢၤတၢ် (kami: tôi) နၢၤကၢၤတၢ် (sakawi: lịch) ဟိၤတၢ် (Bini: Bà-ni)
၀	takai kik tut takai māk lingiw -im	တၢ် (ciim: chim) တၢ် (rim: mọi) တၢ် (khim klao: mím cười)
၀	takai kik paoh dak -ei	တၢ် (palei: làng) တၢ် (harei: ngày) တၢ် ကၢၤတၢ် (lakei kumei: trai gái)
၀	paoh thek paoh ngāk -eng	တၢ် (raweng: thăm) တၢ် (mbeng: ăn) တၢ် (gineng: Trồng Gìneng)
၀	paoh thek tut takai māk -em	တၢ် (ga-ndem: dính) တၢ် (njem: rau)
၀	takai klak takai kuak -lua	တၢ် (pluai: quả bí)
၀	takai klak takai kuk -lu	တၢ် (gluh: bún) တၢ် (sapluh: 10)
၀	craoh ao paoh ngāk -aong	တၢ် (saong: và/với) တၢ် (Praong: lớn) တၢ် (naong: gánh) တၢ် (ataong: đánh)
၀	craoh ao tut takai māk -aom	တၢ် တၢ် (taom gep: gặp nhau) တၢ် တၢ် (yaom hu: có khoảng..)

ဟဟ ဝေါ် (ဖှိ ဖှက: ဖှဟ ဟ် ကဟ် ဟဟ ခ် ဖှ ဖှက ဟ် တွက် နူကဵုကတိတ် ဟိၤ
ဟဟ ဝေါ် တၢ်ကၢၤ နူကဵုကတိတ် ဟဟ တၢ် "□" တၢ် ဝေါ် နူကဵုကတိတ် ဟိၤ "□" တၢ် ဟဟ ဟဟ
ကဟ် ဝေါ် (ဖှိ ဖှက တွက် နူကဵုကတိတ် ဟဟ် (ဖှိ ဖှက တွက် ဝေါ် တၢ်ကၢၤ နူကဵုကတိတ် တၢ်
ကနကန တၢ်ကၢၤ တၢ်

Bac saong threm wak: Ngap yau kadha bac Sa, jang māk dom inā akhar birau bac saong takai akhar buh tamā "□" pieh paoh akhar, min "□" daok dalam kadha ni. Threm wak inā akhar blaoh threm wak inā saong takai akhar, ralo kanain ralo siam.

(Học và tập viết: Làm tương tự như bài học 1, cũng lấy chữ cái ráp và vần ráp vào "□" tương ứng để đánh vần. Tập viết chữ cái [trong bài học này] rồi tập viết chữ cái có thêm các dấu âm, viết càng nhiều càng tốt ^^)



"အိၤ ခြံၤ ဟဟ် နူကဵုကတိတ်
တၢ် တၢ် အိၤ နူကဵုကတိတ် နူကဵုကတိတ် ဟဟ် ဟဟ်"

"Aia praong ridéh ndik gaiy
Tek tuk aia raiy gaiy ndik ridéh "



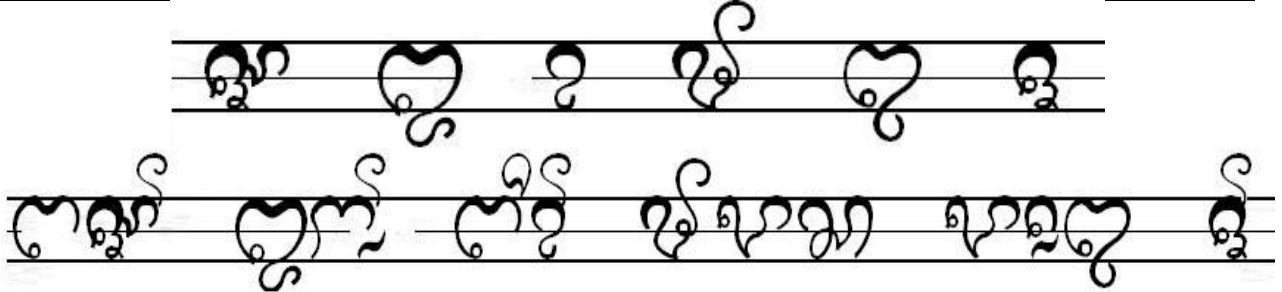
ကရိုဏ်း ဝှံး

---Kadha limâ (Bài 5)

☆☆☆ **ဣဏ်း ဣဏ်း**

☆☆☆ **Inâ akhar (Chữ cái)**

အ	ဇ	ဉ	ဠ	အိ	ဝ
A - ak	I - ik	U - uk	É - é	Ai - ai	O - ok
puec yau: da- a (mời)	I limo (văn hóa)	li- u (dừa)	rup é ng (tự mình)	Sa- ai (anh)	o (không)



☆☆☆ **ဣဏ်း ဣဏ်း (၇၇)**

☆☆☆ **Akhar Matai (11) (Chữ chết làm dấu âm)**

		ကရို Yau =	ပာဂပာ Pagap (ví dụ)
က	Paoh kak -k		ကက(Íkak: cột; buôn bán) ကက(Írak: nặng) ကက(Katak: [gà] gáy)
က	paoh ngâk -ng	က	ကက = ကက (Bimong: Tháp)
က	paoh cak -c		ကက(Íthac: đổ/tạt [nước]) ကက(Nduec: Chạy) ကက(Puec: Đọc)
က	paoh tak -t		ကက(Íthat: tươi) ကက(Marat: cổ găng)
က	paoh nâk -n		ကက(Íkan: Cá) ကက(Jién: tiền) ကက(Íparan: Dân tộc)
က	paoh pak -p		ကက(Íkitap: Sách) ကက(Lap: rê) ကက(Khap: Yêu)
က	paoh yak -y	က	ကက = ကက (Giray=Girai: Rõng) ကက = ကက (Ray=Rai: đời)
က	paoh rak -r		ကက(War: quên) ကက(Hadar: nhớ) ကက(Dhar: Công đức)
က	paoh lak -l		ကက(Íamal: săn) ကက(Panal: ăn lót lòng) ကက(Íawal: Chăm Awal)
က	paoh wak -w	က	ကက = ကက (Kubaw=Kubao: con trâu)
က	paoh sak -s		ကက(Ímanuis: Người)

ບາງ ຄຳ ໃຫ້ ທຸກ: ບຸນ ນັ້ນ ກາດ ບາງ ຄໍ້າ ທຸກ ຄຳ ດູ່ນ ສາມາດ ບໍ່
 ບາງ ຄຳ ຕາມ ສາມາດ ບາງ ຄຳ "□" ສາມາດ ຄຳ ສາມາດ "□" ຄຳ ທຸກ ທຸກ
 ກາດ ຄຳ ໃຫ້ ທຸກ ດູ່ນ ສາມາດ ຄຳ ໃຫ້ ທຸກ ດູ່ນ ຄຳ ຕາມ ສາມາດ ຄຳ
 ກາດ ຄຳ ຄຳ

Bac saong threm wak: Ngap yau kadha bac Sa, jang mâk dom inâ akhar birau bac saong takai
 akhar buh tamâ "□" pieh paoh akhar, min "□" daok dalam kadha ni. Threm wak inâ akhar blaoh threm
 wak inâ saong takai akhar, ralo kanain ralo siam.

(Học và tập viết: Làm tương tự như bài học 1, cũng lấy chữ cái ráp và vần ráp vào "□" tương ứng
 để đánh vần. Tập viết chữ cái [trong bài học này] rồi tập viết chữ cái có thêm các dấu âm, viết càng nhiều
 càng tốt ^^)

ດູ່ນ ກາດ ກາດ ກາດ ກາດ ກາດ ກາດ
 ກາດ ກາດ ກາດ ກາດ ກາດ ກາດ
 ກາດ ກາດ ກາດ ກາດ ກາດ ກາດ
 ກາດ ກາດ ກາດ ກາດ ກາດ ກາດ
 ກາດ ກາດ ກາດ ກາດ ກາດ ກາດ
 ກາດ ກາດ ກາດ ກາດ ກາດ ກາດ



"ນາວ ສາ ຈາລນ ມເບງ ອິກນ ສາ ດານາວ"
 "Nao sa jalan mbeng ikan sa danao"

~*~

ကရိုတ် ဝါး

---Kadha nem (Bài 6)

☆☆ရွက်ကိုး

☆☆☆

Angka (Chữ số/Số đếm)

၁	၂	၃	၄	၅	၆	၇	၈	၉	၁၀
ဟိ	သွိ	ကွ	ပက်	လိမံ	နမ	တၢဟု	သၢလၢဟု	သၢလၢဟု	သၢဟု
Sa	Dua	Klau	Pak	Limâ	Nem	Tajuh	Dalapan	Salapan	Sapluh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

၁၀၀	၁,၀၀၀	၁၀,၀၀၀	၁၀၀,၀၀၀	၁,၀၀၀,၀၀၀	၁,၀၀၀,၀၀၀,၀၀၀
ဟိ ဟိတု	ဟိ ဟိဃ	ဟိ တၢဟု	ဟိ သုဟ	ဟိ ကာတ	ဟိ တိက
Sa Rituh	Sa Ribau	Sa Taman	Sa Chai	Sa Kot	Sa Tik
100	1.000	10.000	100.000	1.000.000	1.000.000.000

ဖိး ဖုကး

Threm wak:



၂၀၁၁ = 2011

ရွက်ကိုး ဟုက တၢဟိ သု သု သုဟုက သု ကတိ ဟုဟိ

Angka yap halei jang deng anak di Kata Benda
Số đếm luôn đứng trước danh từ

တၢဟု: ---ကွ သု သုဟုက Klau urang anak (3 đứa con)

Pagap: ---သၢဟု မုဟု သၢဟု Salapuh mong (10 giờ)

ရွက်ကိုး တၢဟုက တၢဟိ သု သု လုက သု ကတိ ဟုဟိ

Angka radak halei jang deng lakuk di Kata Benda
Số thứ tự luôn đứng sau danh từ

တၢဟု: ---သုဟိ သု တၢဟုက Nao dalam tuk salapan (Đi lúc 9 giờ)

Pagap: ---သုဟိ သုဟိ Damya pak (Đúng thứ 4)

---သုဟု ၂၀၁၁ Thun Dua ribau sapluh sa (Năm 2011)

၂၀၁၁

Ikan di Ram

☆☆☆ **ព្រឹត្តិការណ៍:**

☆☆☆ **Bac Harung (Ôn tập):**

ក	កា	កា	កា	កា	កា	
K	Kh	G	Gh	Ng	Ng	
ច	ចា	ចា	ចា	ចា	ចា	ចា
C	Ch	J	Jh	Ny	Ny	Nj
ត	តា	តា	តា	តា	តា	តា
T	Th	D	Dh	N	N	Nd
ប	បា	បា	បា	បា	បា	បា
P	Ph	B	Bh	M	M	Mb
យ	យា	យា	យា	យា	យា	យា
Y	R	L	W	S	H	P
ស						
S						
អ	អា	អា	អា	អា	អា	អា
A	I	U	É	Ai	O	

====> ព្រឹត្តិការណ៍ ចំ អំពី ៤១ អក្សរ
 ====> Inâ akhar Cam hu 41 abaoth (Chữ cái Cham có 41 chữ cái)

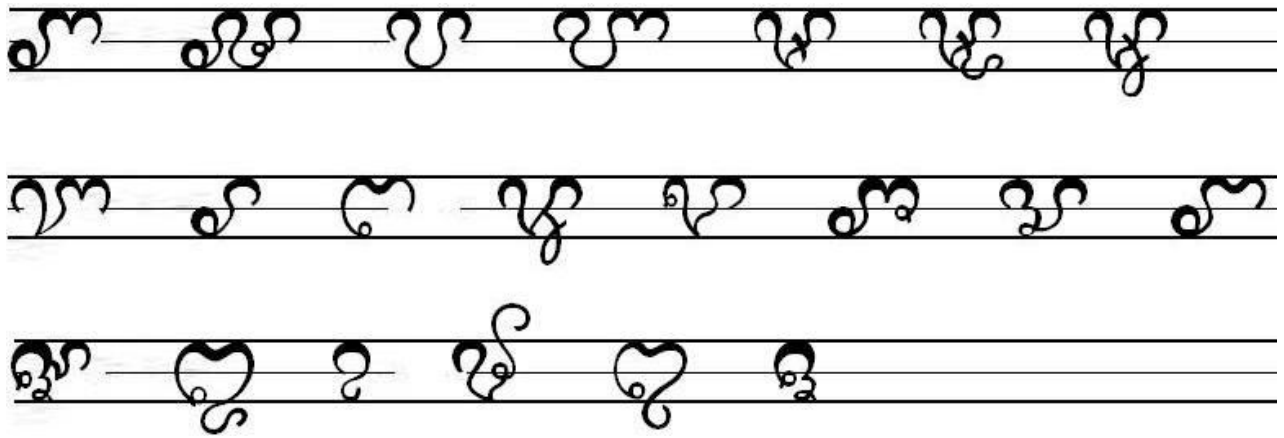
អ្នក: Threm wak (Tập viết):

---ព្រឹត្តិការណ៍ (Inâ Akhar)

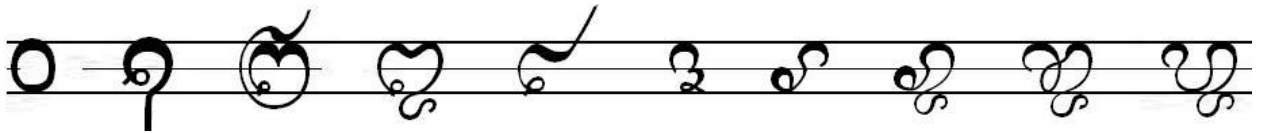
ក កា កា កា កា កា កា

ច ចា ចា ចា ចា ចា ចា

ត តា តា តា តា តា តា



---ဇွန် (Angka)



"ဇာဘီၤ ဗ်ဗီၤ ဓာဓ်ၤ ဗုၣ်ဃာၣ်"

"Anit bangsa ranem buelbhap"

၇၆၆



---ဓဉ်ကျိၣ်တိၣ်ဃာၣ်---

Po Klaong Giray

Ikan di Ram

ကုန်စုံ

---Kadha tajuh (Bài 7)

☆☆ ရှိ ရှိ ရှိ

☆☆ Dom sap paoh (Các văn)

☆☆ ဝိုဝို: -o ~~ ရှိ ရှိ "-ô" သတ် ရှိ ရှိ

Puec yau "-ô" dalam sap Yuen (O ~~ Đọc như "ô" trong tiếng Việt)

ဝို	ဝိုဝို	-o	ဝိုဝို (Ralo lo: nhiều lắm) ဝိုဝို (Ilimo: văn hóa)
ဝို	ဝိုဝို	-om	ဝိုဝို (Ndom: nói) ဝိုဝို (Mangawom: gia đình) ဝိုဝို (Hadam: bao nhiêu)
ဝို	ဝိုဝို = ဝိုဝို	-ong	ဝိုဝို (Trong takai: gác chân) ဝိုဝို (OngMuk: Ông bà)
ဝို	ဝိုဝို	-ok	ဝိုဝို (Pok: bông, bể) ဝိုဝို (Tagok: dậy) ဝိုဝို (Tok: nhận; chỉ có)
ဝို	ဝိုဝို = ဝိုဝို	-ong	ဝိုဝို (Tong: gác) ဝိုဝို (Bimong: Tháp)
ဝို	ဝိုဝို	-oc	
ဝို	ဝိုဝို	-ot	ဝိုဝို (Ot-manot: [vui cười] rạng rỡ) ဝိုဝို (Lathei rot: Cơm nỏ)
ဝို	ဝိုဝို	-on	
ဝို	ဝိုဝို	-op	ဝိုဝို (Hop: hộp)
ဝို	ဝိုဝို	-oy	
ဝို	ဝိုဝို	-or	
ဝို	ဝိုဝို	-ol	
ဝို	ဝိုဝို	-os	
ဝို	ဝိုဝို	-oh	ဝိုဝို (Mboh: Thấy) ဝိုဝို (Throh: Trổ [bông])

ဝိုဝို

☆☆ ဝိုဝို: -Aow ~~ ရှိ ရှိ "-O" သတ် ရှိ ရှိ

Puec yau "-O" dalam sap Yuen (Aow ~~ Đọc như "-O" trong tiếng Việt)

ဝို	ဝိုဝို	-Aow	ဝိုဝို (Pabaow: con cừu) ဝိုဝို (Lamaow: con bò) ဝိုဝို (Thaow: cầm, nắm)
ဝို	ဝိုဝို	-Aom	ဝိုဝို (Taom: gộp) ဝိုဝို (Yaom hu: chỉ có)
ဝို	ဝိုဝို = ဝိုဝို	-Aong	ဝို ဝို (Cang maong: Trông đợi) ဝို (Saong: và; với; cùng)

□က	ခဵ်က	-Aok	မၢၢ်က(Maok: con mỗi) မၢၢ်က(Akaok: đầu) မၢၢ်က(Jhaok: múc)
□ၤ	ခဵ်ၤ=ခဵ်	-Aong	ဃၢၤ ကၢၢ်ၤ ငၢၤစၢ(Po Klaong Garai) ခဵ်ၤ ခဵ်ၤ (Traong nday: cà chua)
□ဃ	ခဵ်ဃ	-Aoc	
□တ	ခဵ်တ	-Aot	ကၢၢ်တ(Kathaot: nghèo) ခဵ် မၢၢ်တ (Nao maot: đi mót)
□ဃ	ခဵ်ဃ	-Aon	
□မ	ခဵ်မ	-Aop	
□ၤ	ခဵ်ၤ	-Aoy	မၢၢ်ၤ(Jaoy: giới)
□မ	ခဵ်မ	-Aor	မၢၢ်(Laor: dổi) မၢၢ်က(Akaok: đầu) မၢၢ်က(Jhaok: múc)
□တ	ခဵ်တ	-Aol	ကၢၢ်တ မၢၢ်တ(Khaol ita: Chúng tôi)
□ၤ	ခဵ်ၤ	-Aos	
□ခု	ခဵ်ခု	-Aoh	မၢၢ်ခု(Thaoh: trống rỗng) မၢၢ်မၢၢ် ငၢၤ (Mapaoh gep: Đánh nhau)

အဇာတ်

☆☆ ခဵ်ၤ: -Aiy ~~ ခဵ်ၤ ဟ် "-E" ဟ် ခဵ်ၤ ဟ်

~~ Puec yau "-E" dalam sap Yuen (Aiy ~~ Đọc như "-E" trong tiếng Việt)

□□	ခဵ်ၤ	-aiy-	မၢၢ်ခဵ်ၤ(Pabaiy: con dê) ခဵ်ၤ (Laiy: căng chân) မၢၢ်ခဵ်ၤ(Khaiy: hờ,hé)
□	ခဵ်	-aim-	ကၢၢ်ခဵ်(Karaim: cà-rem)
□	ခဵ် = ခဵ်ၤ	-aing	ဃၢၤ ~ ဃၢၤ(Caklaing: [làng] Mỹ Nghiệp)
□က	ခဵ်က	-aik	ခဵ်က(Caik: Đặt, để) ခဵ်က (Baik: nhé) မၢၢ်ခဵ်က(Amraik: ớt)
□ၤ	ခဵ်ၤ=ခဵ်	-aing	ဃၢၤ ~ ဃၢၤ(Caklaing: [làng] Mỹ Nghiệp)
□ဃ	ခဵ်ဃ	-aic	
□တ	ခဵ်တ	-ait	တဃၢၤ ဟ်တဃၢၤ(Tadait Saranai: Kèn Saranai) မၢၢ်တဃၢၤ(Hagait: cái gì)
□ဃ	ခဵ်ဃ	-ain	ကၢၢ်ခဵ်က(Kanain:)
□မ	ခဵ်မ	-aip	မၢၢ်ခဵ်မ(Pahbaip: ngồi xồm)
□မ	ခဵ်မ	-air	
□တ	ခဵ်တ	-ail	

☆☆ ㅁ̥: -UE- ~~ ㅁ̥ㅁ̥ "ㅁ̥ㅁ̥" ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ ㅁ̥ㅁ̥ ㅁ̥ㅁ̥ ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥

~~ Puec yau "ㅁ̥ㅁ̥" bisaman dalam sap Yuen (-UE- ~~ ㅁ̥ㅁ̥ ㅁ̥ㅁ̥ ㅁ̥ㅁ̥ "ㅁ̥ㅁ̥" [lướt nhanh giữa chữ U và O] trong tiếng Việt)

ㅁ̥	ㅁ̥	-ue	ㅁ̥ㅁ̥ ㅁ̥ㅁ̥ (Ndom lue: nói đùa)
ㅁ̥	ㅁ̥	-uem	
ㅁ̥	ㅁ̥ = ㅁ̥ㅁ̥	-ueng	ㅁ̥ㅁ̥ ~ ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ (Hueng: hở)
ㅁ̥ㅁ̥	ㅁ̥ㅁ̥	-uek	ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ (Haluek: [dao] sắc)
ㅁ̥ㅁ̥	ㅁ̥ㅁ̥ = ㅁ̥ㅁ̥	-ueng	ㅁ̥ㅁ̥ ~ ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ (Hueng: hở)
ㅁ̥ㅁ̥	ㅁ̥ㅁ̥	-uec	ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ (Puec: đọc) ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ (Nduec: chạy, chày) ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ (Panuec: tiếng, lời)
ㅁ̥ㅁ̥	ㅁ̥ㅁ̥	-uet	
ㅁ̥ㅁ̥	ㅁ̥ㅁ̥	-uen	ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ (Luen: nuốt) ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ (Yuen: người Kinh) ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ (Su-auen: nhỏ)
ㅁ̥ㅁ̥	ㅁ̥ㅁ̥	-uep	
ㅁ̥ㅁ̥	ㅁ̥ㅁ̥	-uey	
ㅁ̥ㅁ̥	ㅁ̥ㅁ̥	-uer	ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ (Kuer: ôm) ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ (Thuer: [làng] Hậu Sanh) ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ (Suer: Thiên đường)
ㅁ̥ㅁ̥	ㅁ̥ㅁ̥	-uel	ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ (Phuel: đức, ơn) ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ (Njuen-njac: nhẹ nhàng)
ㅁ̥ㅁ̥	ㅁ̥ㅁ̥	-uew	
ㅁ̥ㅁ̥	ㅁ̥ㅁ̥	-ues	
ㅁ̥ㅁ̥	ㅁ̥ㅁ̥	-ueh	ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ (Apuei ghueh: lửa cháy hừng)

ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥

ㅁ̥ㅁ̥ ㅁ̥ㅁ̥ + ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥: Threm wak+ puec (Tập viết+đọc)

ㅁ̥ㅁ̥ ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ ㅁ̥ㅁ̥ ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ ㅁ̥ㅁ̥ ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥

Cam saong Raglai yau adei saai sa tian (Cham với Raglai như hai anh em một dĩa)

ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ ㅁ̥ㅁ̥ ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ ㅁ̥ㅁ̥ ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ ㅁ̥ㅁ̥ ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥ㅁ̥

Nao sa jalan mbeng ikan sa danao (Đi chung đường ăn cá chung ao)



"O thei ngap di drei o hai. Tamuh di hatai drei ngap di drei" (Có ai gây hại mình đâu, tự tâm sanh sự mình hại mình)

ဖီ ဖွက + ဖိက: Threm wak+ puec (Tập viết+đọc)

အိမ်

အိမ် နှစ် ဖီ ဖွက ကဲ့ ဖိက
 အိမ် နှစ် ဖိက ကဲ့ ဖွက ဖိက
 ဖီ ဖွ ကိ ဖိက ကဲ့ ဖိက
 ဖွက ဖိက ဖိက ဖိက ဖိက
 ဖိက ဖိက ဖိက ဖိက ဖိက
 ကဲ့ ဖိက ဖိက ဖိက ဖိက ဖိက

CIA

Ciim ndem di dhar klau pluh
 Ciim nao masuh klak dhar majua
 Thei thau ka tian kau lapa
 Njem par di aia mang thau ka tian
 Cek glaong glai paceng mang anak
 Kau maong mai wek o mboh dhar ciim

အိမ်



Ikan di Ram

ကရစ် ဘွဲ့

---Kadha Dalapan (Bàì 8)

☆☆☆ရွာဗိုရ် - ကရစ် :

☆☆☆**Adih-Kiéng (Phươg hướng)**

တၢ်တၢ်: Pur (Đông)

တၢ်တၢ်: Pay (Tây)

တၢ်တၢ်: Dak (Nam)

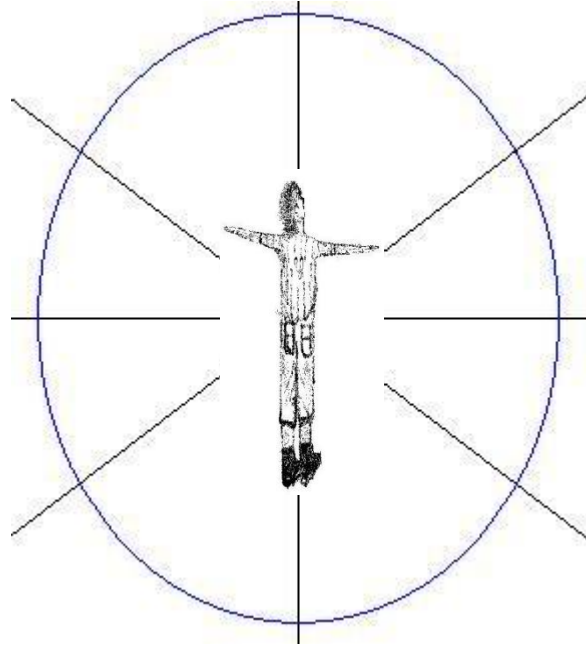
တၢ်တၢ်: Ut (Bắc)

တၢ်တၢ်: Ésan (Đông Bắc)

တၢ်တၢ်: Agrih (Đông Nam)

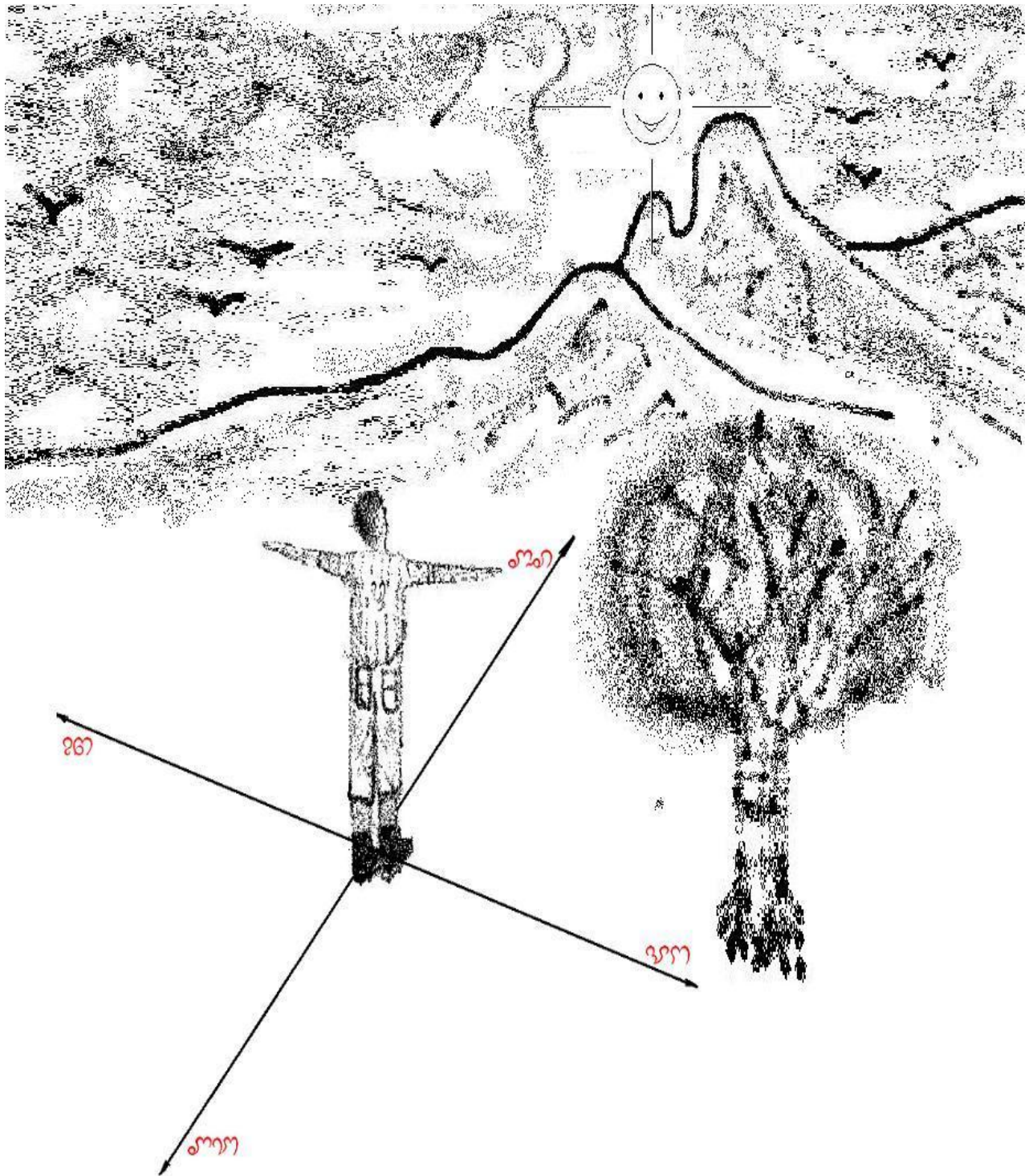
တၢ်တၢ်: Bai-yap (Tây Bắc)

တၢ်တၢ်: Nai-liti (Tây Nam)



ဗ
ဗဗ
ဗဗဗဗဗ
ဗဗ
ဗ

Ikan di Ram



Ikan di Ram

"တေက ဟူက ခမာတ တေက ကာနီ ကူက"
"Takai juak aih halei takai kaohi klak"

၆၆၆

ဒုတိယ အခန်းကဏ္ဍ

DOM HASIT DAKLAN
(Chương II: MỘT VÀI CHÚ Ý)

ကဏ္ဍ ၁:

---Kadha sa (Bài 1)

*** ပထမဆုံး စာလုံးများကို သတိပြုစုစု ဖတ်ရှုပါ။

Parabha dom inâ akhar mahiek gep (Phân biệt các chữ cái tựa tựa nhau)

က ဂ လ တ

--အရပ်ရပ် စာလုံးများ ----- က ဂ

Araong haluek (Lưng nhọn)

--အရပ်ရပ် စာလုံးများ ----- က လ

Araong ndak (Lưng cong)

--အရပ်ရပ် စာလုံးများ ----- က တ

Mata praong (Mắt to)

ဖတ်ပုံစံ + စာလုံး: Threm wak+ puec (Tập viết+đọc)

ကလေး ကလေး အကူအညီ ပုံစံ စာလုံး
အကူအညီ အကူအညီ ကလေး ကလေး ကလေး ကလေး

က ပ ဓ

--အရပ်ရပ် စာလုံးများ ----- က ပ

Araong haluek (Lưng nhọn)

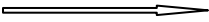
--အရပ်ရပ် စာလုံးများ ----- က ဓ

Araong ndak (Lưng cong)

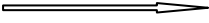
ဖတ်ပုံစံ + စာလုံး: Threm wak+ puec (Tập viết+đọc)

ကလေး ကလေး အကူအညီ ကလေး ကလေး ကလေး ကလေး

☆☆☆ **၂ာ C-၂ာ N:**

--ဗျာသာ  **၂ာ C**

Bhian (bình thường)


--တေက ခွီ (ဧက  **၂ာ N**

Takai duei trun (Chân kéo xuống)


ဖွဲ ၂ာက + ချဲး *Threm wak+ puec (Tậpviết+đọc)*

ဗျာသာ ခွီဧက ဗျာသာဗျာသာ ချဲး

☆☆☆ **၂ာ D-၂ာ P:**

--တေက ချဲး  **၂ာ D**

Takai haluek (chân nhọn)


--တေက ချဲး  **၂ာ P**

Takai hu mata (chân có mắt)


ဖွဲ ၂ာက + ချဲး *Threm wak+ puec (Tậpviết+đọc)*

ချဲးဗျာသာ ချဲးဗျာသာ ချဲးဗျာသာ ချဲးဗျာသာ ချဲး!

☆☆☆ **၂ာ W-၂ာ Mb:**

--ဗျာသာ  **၂ာ W**

Bhian (bình thường)

--မ္ဗလာ တေက တေက  **၂ာ Mb**

Mblaow takai tagok (nhô chân lên)

ဖွဲ ၂ာက + ချဲး *Threm wak+ puec (Tậpviết+đọc)*

မ္ဗလာ တေက တေက တေက တေက

IKAN di RAM



---Kadha dua (Bài 2)

☆☆☆

Một số vấn đề về Ngữ pháp:

A- Từ:

Tiếng Cham là một ngôn ngữ đa âm tiết trong đó từ song tiết chiếm số lượng lớn nhất, sau đó là đơn tiết

(Xem thêm Inrasara, *Tự Học Tiếng Chăm, NXB VHDT, 2003. Trang 67*)

B- Từ tố: (Cách xác định Langlikuk - tiền trọng âm)

Tiếng Cham có 2 loại từ tố: **Tiền tố** và **Trung tố**. Biết vận dụng, chúng ta sẽ tìm được từ một cách chính xác ko lẫn lộn.

☆☆ **Trung tố** 𑜀𑜂𑜆 - *n* --- Có tác dụng biến động từ thành danh từ

☆ Ví dụ:

- 𑜀𑜂𑜆 (Bek: Đắp) 𑜀𑜂𑜆𑜀𑜂𑜆 (Banek: đắp)
- 𑜀𑜂𑜆𑜀𑜂𑜆 (Dih: Cấy) 𑜀𑜂𑜆𑜀𑜂𑜆𑜀𑜂𑜆 (Danih: mạ)
- 𑜀𑜂𑜆𑜀𑜂𑜆𑜀𑜂𑜆 (Adaoh: Hát) 𑜀𑜂𑜆𑜀𑜂𑜆𑜀𑜂𑜆𑜀𑜂𑜆 (Danaoh: Bài hát)

(Trung tố 𑜀𑜂𑜆 - *n* buộc từ chính làm langlikuk - tiền trọng âm)



☆☆ **Tiền tố** 𑜀𑜂𑜆 - *t* --- Có tác dụng biến ngoại động từ thành nội động từ

☆ Ví dụ:

- 𑜀𑜂𑜆 (Blek: Lặt) 𑜀𑜂𑜆𑜀𑜂𑜆 (Tablek: Tự lặt)
- 𑜀𑜂𑜆 (Thuak: Rút) 𑜀𑜂𑜆𑜀𑜂𑜆 (Tathuak: Sút)
- 𑜀𑜂𑜆 (Blah: Chè) 𑜀𑜂𑜆𑜀𑜂𑜆 (Tablah: Nè)



☆☆ **Tiền tố** 𑜀𑜂𑜆 - ---Từ có tiền tố -*m* sẽ có nghĩa: "gồm", "có", "bao hàm", "chứa đựng"

☆ Ví dụ:



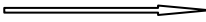
- 𑜀𑜂𑜆𑜀𑜂𑜆 (Tian: Bụng, dạ) 𑜀𑜂𑜆𑜀𑜂𑜆𑜀𑜂𑜆 (Matian: Có dạ/bụng = chứa)
- 𑜀𑜂𑜆𑜀𑜂𑜆𑜀𑜂𑜆 (Abaoh: Trái, trứng) 𑜀𑜂𑜆𑜀𑜂𑜆𑜀𑜂𑜆𑜀𑜂𑜆 (Mabaoh: Đẻ trứng)
- 𑜀𑜂𑜆𑜀𑜂𑜆 (Gru: Thầy) 𑜀𑜂𑜆𑜀𑜂𑜆𑜀𑜂𑜆 (Magru: Học)



Ikam di Ram

☆☆ **Tiền tố** **ဖ** - *p* --- Từ có tiền tố *-p* sẽ có nghĩa: "làm cho"

☆ Ví dụ:

- မှုစတ (Matai: Chết)  မှုစတ (Pamatai: Giết)
- လိပိ (Lipei: Mơ, mộng)  မှုလိပိ (Palipei: Báo mộng)
- ဇြော (Trun: Xuống)  မှုဇြော (Patrun: Hạ)

(**) Lưu ý giữa **ဖ** và **ပ**:

☆ **ဖ**-*p*:

- Làm tiền tố
- Viết những từ đặc biệt và quen thuộc như:
- ပေ (Po: Ngải, thần; Vàng, dạ) ပေက (Pok: Bồng, bế)
- Viết số:
- ပိက (Pak: 4)




☆ **ပ**-*p*:

- Không làm Tiền tố nhưng lại làm Tiền trọng âm (Langlikuk)
- Sử dụng vào các trường hợp khác ngoài các trường hợp trên




☆☆ **Tiền tố** **ဟိ** - *bi* --- là một hình thức phát sinh của **ဖ**-*p* nghĩa là "cho"

☆ Ví dụ:

- မှုစတ (Samar: Nhanh)  ဟိမှုစတ (Bisamar: cho nhanh)
- မွေ့ (Mbong: sạch)  ဟိမွေ့ (Bi-mbong: Cho sạch)
- စုမ္ပ (Sumu: kíp)  ဟိစုမ္ပ (Bisumu: cho kíp, bắt kíp)

***Lưu ý: Trong trường hợp này, **ဟိ** không làm giảm cường độ phát âm của từ chính, khác với **ဟိ** khi làm tiền trọng âm.

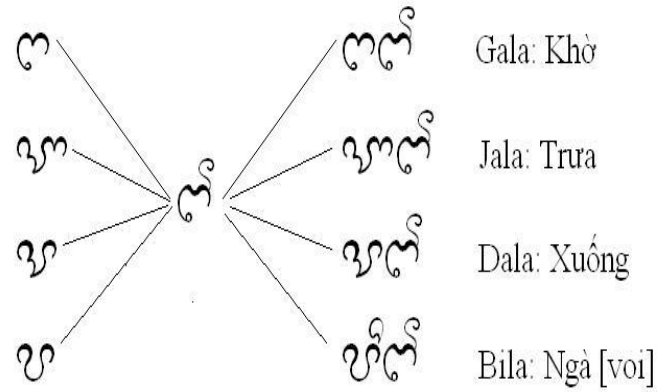
☆ Ví dụ:

- ဟိပိ (Bini: [đạo] Ba-ni)  ဟိမွေ့ (Bi-mbong: làm cho sạch)

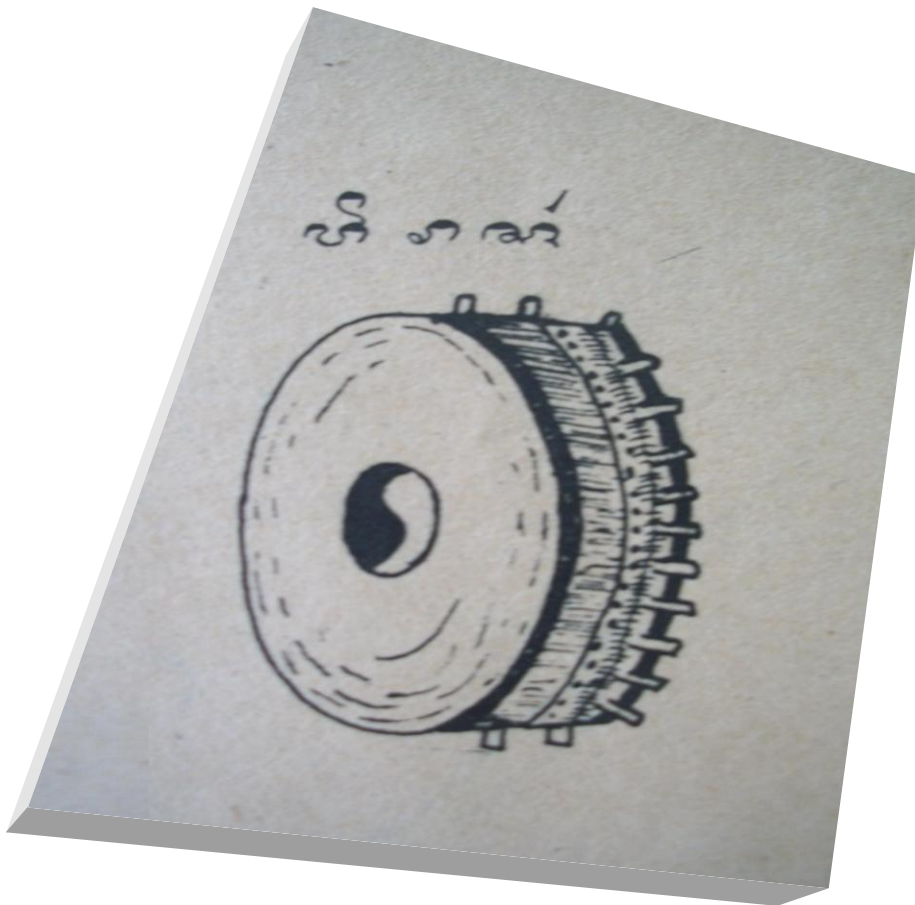


C- Tiền trọng âm (Langlikuk) làm giảm cường độ phát âm:

- 
- က**: ကိုခါ (Gilai: Thuyền)
 - ဂ**: ဂျာလာ (Jalan: Đường)
 - ဒ**: ဒာနာ (Danao: Ao)
 - ဗ**: ဗိလာ (Bilan: Tháng)



မူလ



မူလ
Baranang

မူလ

ကုန် ကွဲ:

---Kadha klau (Bài 3)

☆☆
☆☆**Một số vấn đề về Ngữ pháp (tt):**

D- Các vấn đề khác (Quan trọng):

1[★]Viết giống nhau, đọc khác nhau. Đây là trường hợp biến âm của phụ âm cuối

☆☆**□က & □က:**

---Pagap:

--ကက (Katak: mũ) - မက ကက (Mâk katak: lấy mũ)

ကက (Katak: cục tác) - မကက ကက (Manuk katak: gà cục tác)

ကက (Talak: sáo) - ကက ကက (Yuk talak: Thổi sáo)

ကက (Alak: rượu) - မကက ကက (Manyum alak: Uống rượu)

--ကက (Hayap: Bia) - ကကက ကက ကက (AKhar di hayap: chữ trên bia ký)

ကက (Yap: Đếm) - ကက ကကက (Yap pabaow: Đếm cừu)

ကက (Khap: Yêu) - ကက ကက ကက (Khap di gep: Yêu nhau)

==> Vì chúng ta chỉ bàn về chuẩn chính tả, nên hình thức của chữ viết vẫn được giữ nguyên mặc dù có biến thể của cách đọc. Muốn đọc và hiểu đúng, chỉ cần **ĐẶT CHÚNG VÀO NGŨ CẢNH và **ĐỌC THẬT NHIỀU TÀI LIỆU!****

---Pagap:

--ကက ကက ကကက , မကက ကကက ကက
(Oh tel hadah pagé, manuk kanjaok blaoh: Trời chưa sáng mà gà đã gáy rồi)

Từ ကကက ko thể đọc thành **Kanjaok** như bình thường mà phải là **Kanjóóc**

--ကက မကက ကက

(Jaka manyum alak: Jaka uống rượu)

Từ ကက được đọc thành **Alăc**



Khan di Ram

2[★] *Viết khác nhau, đọc giống nhau:*

☆☆ Có 4 Trường hợp:

𑜀 = 𑜁𑜃 : 𑜂 = 𑜃𑜃 (Kang: cẳm)
 𑜄𑜂 = 𑜁𑜃 : 𑜂𑜄𑜂 = 𑜂𑜄𑜃 (Kubao = Kubaw: Trâu)
 𑜅𑜂 = 𑜁𑜃 : 𑜆𑜂𑜃 = 𑜆𑜂𑜃𑜃 (Girai = Giray: Rông)
 𑜇𑜂 = 𑜁𑜃 : 𑜈𑜂 = 𑜈𑜂𑜃 (Yau = Yuw: Như/giống)

==> *Các trường hợp trên đây đều được viết không theo một quy tắc nhất định (nghĩa là chọn cách viết nào cũng được)*

3[★] *Viết khác nhưng đọc khác:*

𑜉𑜂 được đọc là **Po**

☆☆ Ngoài ra còn có các trường hợp bất quy tắc khác trong cách viết mà chúng ta phải học nằm lòng. Ví dụ:

𑜉𑜂𑜃 (Saai: anh, chị)

𑜉𑜂𑜃 (On: Mừng)



4[★] *Âm ngắn - Âm dài:*

(Xem thêm Inrasara, *Tự Học Tiếng Chăm*, NXB VHDT, 2003. Trang 100)

Các âm tiết sau không được phân biệt ngắn dài trong lối viết

		Ngắn	Dài
1	𑜁...	𑜂𑜃 (Kan: Khó) 𑜄𑜂 (Ban: Đồng) 𑜆𑜂𑜃 (Lamâk: mớ)	𑜉𑜂𑜃 (Ikan ~ ikaan: Cá) 𑜄𑜂 (Ban ~ baan: Thẳng) 𑜆𑜂𑜃 (Ramâk ~ ramââk: Chừa)
2	𑜇...	𑜈𑜂 (Ghur: Nghĩa trang Bani) 𑜉𑜂 (Juk: cậy)	𑜉𑜂 (Cur ~ cuur: Vôi) 𑜉𑜂 (Juk ~ juuk: Đen)
3	𑜁...	𑜈𑜂 (Cek: núi) 𑜉𑜂𑜃 (Rapek: Mò)	𑜈𑜂 (Cek ~ Ceek: dóc) 𑜉𑜂 (Pek ~ Peek: cùi)
4	𑜅𑜂...	𑜉𑜂𑜃 (Maik: nhé)	𑜉𑜂𑜃𑜃 (Amaik ~ Amáík: Mẹ)

		ᨁᨗᨕᨗ (Jhain: Chen)	ᨁᨗᨕᨗ (Kail ~ Kaain: Đánh dấu)
5	ᨁᨗᨕᨗ	ᨁᨗᨕᨗ (Caok: Khóc)	ᨁᨗᨕᨗ ᨁᨗᨕᨗ (Palei Caok ~ Cáók: làng Hiếu Lễ)
6	ᨁᨗᨕᨗ	ᨁᨗᨕᨗ (Rik: Cỏ) ᨁᨗᨕᨗ (Ngik: Còi)	ᨁᨗᨕᨗ (Rik ~ Ríik: Cá khô) ᨁᨗᨕᨗ (Lingíik: Trời)

==> Trong các bản chép tay chữ Cham, 2 trường hợp dưới (5&6) không có sự thay đổi lối viết dù âm được phát ra có ngắn hay dài. Riêng 4 trường hợp trên, người Cham có dùng chân chữ 𑜀 để ghi âm dài, nhưng lối viết này không được triệt để sử dụng.

Người ta không bao giờ viết 𑜀𑜂𑜆𑜂𑜆𑜂 (Bilaan: Tháng) hay 𑜀𑜂𑜆𑜂𑜆𑜂𑜂𑜆𑜂 (Angaar: Thứ 3) mặc dù chúng được phát âm dài, mà phải viết 𑜀𑜂𑜆𑜂𑜂𑜆𑜂 - Bilan hay 𑜀𑜂𑜆𑜂𑜂𑜆𑜂𑜂𑜆𑜂 - Angar

★ Trường hợp khó xử này trong các văn bản Cham cận đại đã được G.Moussay giải quyết **tạm thời** như sau:

𑜀𑜂𑜆𑜂𑜂𑜆𑜂 𑜀𑜂𑜆𑜂𑜂𑜆𑜂 𑜀𑜂𑜆𑜂𑜂𑜆𑜂 âm dài để nguyên, âm ngắn thì thêm 𑜀 thành 𑜀𑜂𑜆𑜂𑜂𑜆𑜂/𑜂𑜆𑜂/𑜂𑜆𑜂

---Pagap:

---𑜀𑜂𑜆𑜂 (Bel: Mùa)

𑜀𑜂𑜆𑜂 (Bal: Vá)

---𑜀𑜂𑜆𑜂 (Ber: Màu)

𑜀𑜂𑜆𑜂𑜂𑜆𑜂 (Hader: Nhó)

𑜀𑜂𑜆𑜂𑜂𑜆𑜂 (Kamar: Trẻ sơ sinh)

𑜀𑜂𑜆𑜂𑜂𑜆𑜂 (ahar: Bánh)

---𑜀𑜂𑜆𑜂𑜂 (Khen: Khăn)

𑜀𑜂𑜆𑜂𑜂𑜆𑜂 (Ramâwan - [Lễ hội] Ramâwan)



Ikan di Ram

4[★] *Biến âm:*

★[★] **ဂံ** \longrightarrow **ပံ**:

-- **လံ** (Gap: Vừa) -- ဤ မိမိ မွေး ဂံ ဂံ
(Yau nan mbiah gap ye: Như thế vừa rồi)

-- **ဂံ** (Gep: Họ hàng; nhau) -- မွေး (ဂံ) မိမိ ဂံ
(Ngap gruk saong gep: Làm việc cùng nhau)

★[★] **မံ** \longrightarrow **မံ**:

-- **မံ** (Mbép: Đũa bếp) -- မံ မံ မံ မံ
(Gai mbép dalam ging: Đũa bếp trong nhà bếp)

-- **မံ** (Ndiép: Nếp, xôi) -- မံ မံ မံ မံ
(Tamâ ging tanâk ndiép: Vào bếp nấu xôi)

★[★] **ဂံ** \longrightarrow **ဂံ**:

-- **ဂံ** (Jip: Thứ năm) -- မံ မံ မံ မံ (Dalam harri Jip: Trong ngày thứ 5)

-- **မံ** (Hadiip: Vợ) -- မံ မံ မံ မံ (Hadiip pasang: Vợ chồng)



5[★] *Cách sử dụng ဂံ, မံ và မံ:*

★[★] **ဂံ**: Được sử dụng khi không có phụ âm cuối (kết thúc từ)

ví dụ: **ဂံ** (Jala: Trưa) **ဂံ** (Ula: Rắn)

--- Không được ghi khi có phụ âm cuối mặc dù chúng là âm dài (xem thêm mục 3[★])

ví dụ: **မံ** (Bilan: Tháng) **မံ** (Ikan: Cá)

+ Tuy nhiên, vẫn có một vài trường hợp đặc biệt bắt buộc chúng ta phải nhớ:

ví dụ: **မံ** (Pak: 4)

မံ (Klak: Bỏ)

မံ (Pakak: Khai mạc)

☆☆ 𑜋 & 𑜋:

☆ 𑜋: Được dùng khi làm langlikuk và khi có phụ âm cuối

ví dụ: 𑜏𑜃𑜫 (Rimaong: Hổ) 𑜏𑜃𑜫 (Bimao: Năm)

𑜏𑜃𑜫 (Lingik: Trời) 𑜏𑜃𑜫 (Tangin: Tay)

☆ 𑜋: Được dùng khi không có phụ âm cuối (kết thúc từ)"

ví dụ: 𑜏𑜃𑜫 (Ni: Này) 𑜏𑜃𑜫 (Urani: Bây giờ)

𑜏𑜃𑜫 (Bini: [đạo] Bà-ni) 𑜏𑜃𑜫 (Kumi: Tôi/Trẫm)

𑜏𑜃𑜫



𑜏𑜃𑜫𑜏𑜃𑜫𑜏𑜃𑜫𑜏𑜃𑜫𑜏𑜃𑜫

Ikan di Ram

မာ့ဒ် မာ့ဒ် မာ့ဒ်

[illegible]

CIA Cak Cak

*Ciim cak cak
 Padai bak jak
 lac bak li-i
 Hajan malam ni
 lac hajan malam déh
 Anâk ong séhi tamâ ribaong laik nyuel
 Anâk ong maduen nao duah ritaong
 Bai abaoih traong Bai abaoih aik
 Bingi lo amaik bingi lo amâ
 Jen gaok jen glah
 Jen o pacahi wak kaong paga*

[illegible]

နွား တစ်ခု ဟော နွားကို ခွဲ၍ သွေး ခွဲကာ ဘုံ ဖြစ်စဉ်
 ခွဲကာ ချစ်လွှဲ ကံ ဖြစ် ခဲ့ တောဝှက် တစ်ကောင် ဟောလျှင် ဟောလျှင်
 ဖြစ် ချစ်လျှင် တစ်ခု ဘုံ ချစ်လွှဲ လိုလျှင် တစ်ခု ခွဲကာ လိုလျှင်

မွှ် ခဟက! မွှ် ခဟက က် ခၢ် ဂမၤမွှ် ဖြဲးစာ ဟံးစု ဟံးစု
 ဟံးစု ဂမၤ ဂမၤဇာဝ် တေတက ဖြဲးစာ ခးစု ခါတီစု ခါဟံး
 စဟာဃ ခါဟံးစု ဟံးစု, မွှ်ဟံးစု ခါခဏ တေတက, ခါဟံးစု တေ က်
 ခါခဏ မွှ်!

[illegible]

စာကြောင်း: ခန္ဓာရူပါဓာတ်

[illegible][illegible]

-ဘ် ဖုရု ခု..

ဂၢတီၢ် ချၢၣ် ဘၢ ဗၢၣ် ခၢၣ် ခၢၣ် ခၢၣ်

ဖို့၊ ဘာလို့ ဘာလုပ် ခြေတော်တဲ့ ငါ့ ခြေတော်တဲ့ ချစ် ဖို့-ဖို့

--အဆိုပါ ဖို ဖုတ် ဂျာနီ ကို ဖို

ကို လေ့ကျင့်ရမည်။

[illegible]

—ဟေ့ဟေ့ နော် ဟာရပ်နာ ခုနက ဟီ ဂရိတ်က ဖို့ ဘာဗို..

—အဘွား၊ နှစ် ဓာလဟာ ဝေဖန် နှစ် ဓာတို့ ခုဖြာ ဟု ဆို...

-ဟဲ့ ဟဲ့ ဟဲ့...

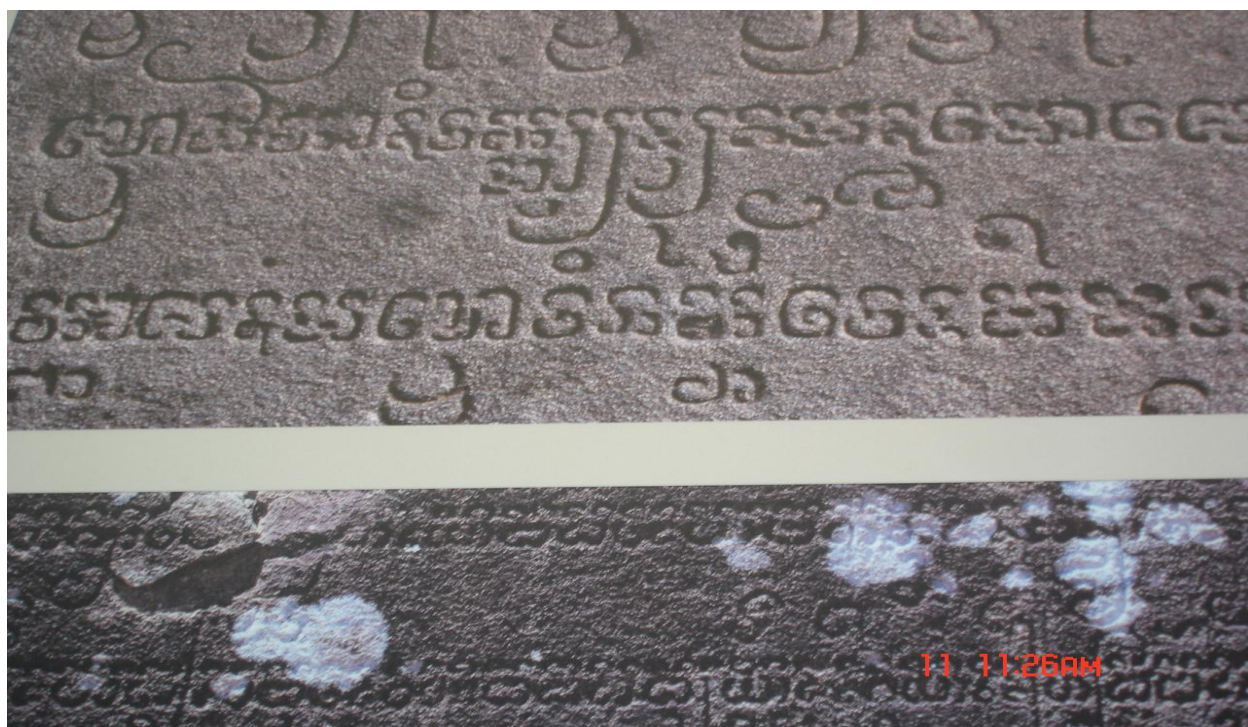
ពាណិជ្ជកម្ម ហ៊ុន ហង់ ឌីណា ឌីណា ហង់

ဖို့ ဂာဖို ဂာဉာ ဂဖိုဉ် တံ ဂဖိုဉ် ခွာ ဖို့-ဖို့

--အာဆီဂျာ ဖို ရွှေ ခုတက ဟီ ဖြီ

---ဒွါရိ ဖိဉ္ဇန ဓာတို့ ဖဉ္ဇန ဟာန ဣဉ္ဇာ ဖိန ဃဏံ ဟေသု။

မာယုကံ မုဏိ ပံ ဓာပိ



Các tài liệu tham khảo chính

1. Thuận Ngọc Liêm, *Tiếng Chăm căn bản* [?], BBSSCC Ninh Thuận.
2. Lưu Văn Đảo, *Tiếng Chăm nâng cao* [?], BBSSCC Ninh Thuận.
3. Inrasara, *Tự Học Tiếng Chăm*, NXB VHDT, 2003
4. [Http://ChampaKa.org](http://ChampaKa.org)
5. [Http://GilaiPraung.com](http://GilaiPraung.com)

RUMI



SYSTEM

Inâ & Takai Akhar	Rumi	Pagap	Rumi	Aer dalam sap Yuen
က	Kak - K	ကုက	Jaka	Jaka
က	Khak - Kh	ခါက	Akhar	Chữ
ဂ	Gak - G	ဂါဂ	Tagalao	Bảng lãng
ဂ	Ghak - Gh	ခါဂ	Agha	Rể
ဃ	Ngâk - Ng	လံဃ	Lamngâ	(Tên 1 địa danh)
ဃ	Ngak - Ng	ခါဃ	Angan	Tên
စ	Cak - C	စံ	Cum	Hôn
စ	Chak - Ch	စံ	Chesh	Thích
က	Jak - J	ယါက	Jalan	Đường
ခ	Jhak - Jh	ခါက	Jhak	Xấu
ဃ	Nyâk - Ny	ယါဃ	Manyâk	Đền
ဃ	Nyak - Ny	ယါဃ	Tanyak	chói
ဃ	Njak - Nj	ယါဃ	Njem	Rau
တ	Tak - T	တါက	Takai	Chân
တ	Thak - Th	တါက	Thaik	Hình/dáng
ဒ	Dak - D	ခါဒ	aDei	Em
ဒ	Dhak - Dh	ကါဒ	Kadha	Bài [học]
န	Nâk - N	ခါန	Anâk	Con
န	Nak - N	ခါန	Anak	Phía trước

ဇ္ဇ	Ndak - Nd	နဉ်	Ndom	Nói
ပာ	Pak - P	ပာန	Tapai	Con thỏ
ပာ	Pak - P	ပာ်	Pak	4
ဖာ	Phak - Ph	ဖာ် ဖာ်	Bingu Suphi	Hoa mai
ဘ	Bak - B	ဘာ	Bak	Đầy
ဘ	Bhak - Bh	ဘံ	Bhum	Quê hương
မာ	Mâk - M	မာ	Mâh	Vàng
မာ	Mak - M	မာ်	Kamar	Trẻ sơ sinh
မာ	Mbak - Mb	မာ်	Mbak	Mặn
ယ	Yak - Y	ယာ်	Yang	Thần
ရာ	Rak - R	ရာ်	Rai	Đời
လာ	Lak - L	လာ်	Alak	Rượu
မာ	Wak - W	မာ်	Wak	Viết
ဟ	Sak - S	ဟာ်	Sang	Nhà
ရာ	Sak - S	ရာ်	Sakkarai	Lịch sử
ဟ	Hak - H	ဟာ်	Hajan	Mưa
ခာ	Ak - A	ခာ်	Da-a	Mời
ဗ	Ik - I	ဗာ်	Ikan	Cá
ဗ	Uk - U	ဗာ်	Li-u	Dừa
ဗ	É - É	ဗာ်	Éw	Kêu, gọi
ဗ	Ai - Ai	ဗာ်	Saai	Anh
ခ	O - O	ခံ	O	Không
ကြ	takai krak -r-	ကြာ်	Krân	Nhận biết
ခါ	t.kiak -ia-	ခါ်	Taphia	Gần

၂	balau -a [!]	ဘာလှ်, ဗွဲလှ်	Jala, Makrâ [!]	Trua, đẹp
၂ / ၂	paoh theh/p.theh tapong -e- / -e (ae [?])	ပာဖှဲ, ပာဖှ်	Pieh, Paje	Giữ, rồi
၂	paoh ngâk -ng	ကလှ်	Kalang	Điều
၂	tut t.kai mâk -m	ဖှ်	Cam	Chăm
၂ / ၂	t.kai kik / t.kai kik tut mâk -i- / -i	ဟိ	Bini	[đạo] Bà-ni
၂	t.kai kik tut mâk lingiw -im	ဖှိ	Ciim	Chim
၂	-ei	ပာလှ်	Palei	Làng
၂	-em	ကလှ်	Galem	Vác
၂	-eng	လှ်	Gleng	Nhìn/Bói
၂ / ၂	-o- / -o	ပာက, ပာလှ်	Pok, ralo	Bế, nhiều
၂	-ai	မာ	Mai	Đến
၂	-ao	မာ	Nao	Đi
၂	-aong	မာ	Caong	Mơ
၂	-aom	မာတ, က	Pataom gep	Hợp mặt nhau
၂	-â-	လှ်	Krâh	Giữa
၂	-u-	ဟာ	Hamu	Ruộng
၂	-ua-	ဟိ	Dua	2
၂	-l-	က	Klak	Cũ
၂	-lu-	ဟာ	Sapluh	10
၂	-lua-	မာ	Pluai	Quả bí



ပျံ့ ဇာနည်

၁၆၃: သွပ်-သပ်-ကွပ်

[illegible]

နောက် တစ်ခုခု ပေမာ နှာဒ် ဝှို့ ဒုဒ်
 ခဉာက ဖ်. ဖွေဉ် ခဉာက ဟေဉ်, က် ဖွေ
 ဉ် တေဉ်. တေဉ်က ဟေဉ်, ဟေဉ်
 ဖွေက ဟေဉ်. တေဉ် ဖ် ဟေဉ် လိဉ်
 တေဉ် တေဉ် လိဉ်.

ဖွဲ့ ချပက! ဖွဲ့ ချပက က် ဖန်
 ဟာဖွဲ့ ဖြေခက ဖန်စ ဖန်စ ဖန်စ ဖန်စ
 ဖန်စက ဖန်စက ဖြေခက ဖန်စ ဖန်စ
 ဖန်စ ဖန်စ ဖန်စ ဖန်စ ဖန်စ ဖန်စ
 ဖန်စ ဖန်စ ဖန်စ ဖန်စ ဖန်စ ဖန်စ

BHUM ADEI

Ratuek - Ndang Neng Kua

Mai raweng palei adei aey hai! Juai mboh kathaot blaoh wer aey saai! Dua urang sa pajaih pajieng mai, Juai nâh rabha ka calah tung hatai. Ké ken cek kraong glai, min ken di tian saai. Tambuak takai mai ka adei buei hai. Mboh mbaok mbluak di jién padai, saai taom adei ndom klao cheh-chai...

Aia tanâh ghur adei ndua padeng caik
cang. Manyum baik saai, ka mat tung tian.
Tamakai yamân, yamân mbiluak saradang.
Pieh cang saai liwik harei rup liwang.

Mbeng baik! Mbeng baik ka hu yawa prân pieh harei hadei ngap jalan tagok trun. Cuah Patih abei bhong abaoh rambung, mayah saai takrâ adei tuk ka saai mbeng!



=-Patuei=-

អាតី ប្រាំ កាតា - Harei dalam Karap
(Các thứ trong tuần)

អាតីប្រាំ	ស៊ាំ	អាហ្គា	ប្រាំ	ហ៊ីប្រាំ	សុក	សាណា
Adit	Som	Angar	But	Jip	Suk	Sanacar
Chủ Nhật	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7

ម្រា ឆាមា អាំ - Thun nasak Cam
(Tuổi Cam)

តាកុ	កូប៉ា	រីម៉ាង	តាប៉ា	ឥណ-ហ្គ្រៃ	ឡា-អ៊ាអ៊ា	អាស៊ា
Takuh	Kubao	Rimaong	Tapai	Inâ-Girai	Ula-Anaih	Asaih
Chuột	Trâu	Cọp	Thỏ	Rồng	Rắn	Ngựa

ប៉ាប៉ាយ	ក្រា	ម៉ាណុក	អាសា	ប៉ាប៉េ
Pabaiy	Kra	Manuk	Asau	Pabuei
Dê	Khi	Gà	Chó	Heo



Ngap krân saong Cam Rumi (2)
(Làm quen với Cham Rumi)

Caong ka kadha wak ni daong hu hasit ka ayut halei o ka ngap krân saong Cam Rumi.
(Mong muốn bài viết này sẽ giúp được các bạn chưa thạo viết chữ Cham theo hệ thống Rumi)

"*Puec yau*" = đọc như là

- a: *puec yau* "**a**" *dalam sap Yuen*. Pagap (ví dụ): "**tapa**" (qua), **lapa** (đổi), **kara** (rủa)
b: *puec yau* "**ph**" *trak (nặng) dalam sap Yuen*. Pagap: "**bak**" (đầy), **abei** (khoai), **labik** (chỗ, nơi)
c: *puec yau* "**ch**" *dalam sap Yuen*. Pagap: "**Cam**" (Cham - dân tộc Cham/Chăm), **cei** (chú, cậu)
ch: *puec yau* "**ch[s]**" *dalam sap Yuen*. Pagap: "**chai**" (xay [bột])
d: *puec yau* "**th**" *trak (nặng) dalam sap Yuen*. Pagap: "**adei**" (em), **ada** (con vịt), **hadah** (sáng)
dh: *puec yau* "**th**" *trak gap (nặng vừa) dalam sap Yuen*. Pagap: "**kadha**" (bài), **dhar** (ơn nghĩa)
e: *puec yau* "**ơ**" *dalam sap Yuen*. Pagap: "**peh**" (mở), **ch eh** (thích)



- f: *g: puec yau "kh" trak (nặng) dalam sap Yuen. Pagap: "tagei" (răng), pagā (rào), caga (chuẩn bị)*
gh: puec yau "kh" trak gap (nặng vừa) dalam sap Yuen. Pagap: agha (rể cây) "gheh" (xinh, đẹp)
h: *puec yau "h" dalam sap Yuen. Pagap: "hala" (lá), "harak" (thư), "harei" (ngày)*
i: *puec yau "i" dalam sap Yuen. Pagap: "kami" (tôi/chúng tôi), uni/ini/ni (này, đây)*
j: *puec yau "gi" trak (nặng) dalam sap Yuen. Pagap: "Juai" (đứng, thôi)*
k: *puec yau "k/c" dalam sap Yuen. Pagap: "Jaka" (Jaka)*
kh: *puec yau "kh" dalam sap Yuen. Pagap: "akhar" (chữ)*
l: *puec yau "l" dalam sap Yuen. Pagap: "hala" (lá)*
m: *puec yau "m" dalam sap Yuen. Pagap: "mata" (mắt)*
mb: *puec yau "b" dalam sap Yuen. Pagap: "mbak" (mặn)*
n: *puec yau "n" dalam sap Yuen. Pagap: "nai" (cô, dì)*
ny: *puec yau "nh" dalam sap Yuen. Pagap: "nyu" (nó, anh/chị ấy)*
nj: *puec yau "... " dalam Pagap: "njem" (rau)*
o: *puec yau "ô" dalam sap Yuen. Pagap: "ilimo" (văn hóa), pok (bông, bể)*
p: *puec yau "p" dalam sap Yuen. Pagap: "pok" (bông, bể), palei (thôn, làng), tapa (qua)*
ph: *puec yau "ph" dalam sap Yuen. Pagap: "tarapha" (cái quần)*
q:
r: *puec yau "r" dalam sap Yuen. Pagap: harei (ngày), ra (người), kara (rùa)*
s: *puec yau "s" dalam sap Yuen. Pagap: "saai" (anh), sang (nhà), pasang (chồng)*
t: *puec yau "t" dalam sap Yuen. Pagap: "mata" (mắt)*
th: *puec yau "th" dalam sap Yuen. Pagap: "thau" (biết)*
u: *puec yau "u" dalam sap Yuen. Pagap: "li-u" (dừa)*
v:
w: *puec yau "w" dalam sap Englis. Pagap: "wa" (bác)*
x-->s
y: *puec yau "d/gi" dalam sap Yuen. Pagap: "yau" (giống, như là)*
z:

Dom sap paoh/takai akhar dan akhar matai (deng di likuk paabih sa abaoh akhar)
(Những dấu câu vài chữ chết (đứng cuối để kết thúc 1 chữ)

1. Akhar matai:

c: *puec yau dalam Pagap uni*: "thac" (đổ)
h: *puec yau dalam Pagap uni*: "atah" (xa)
k: *puec yau dalam Pagap uni*: "trak" (nặng)
l: *puec yau dalam Pagap uni*: "Awal" (Cham Awal/Bani, sớm)
n: *puec yau dalam Pagap uni*: "trun" (xuống)
p: *puec yau dalam Pagap uni*: "kitap" (sách)
r: *puec yau dalam Pagap uni*: "wer" (quên)
s: *puec yau dalam Pagap uni*: "manuis" (người)
t: *puec yau dalam Pagap uni*: "marat" (cổ găng)
w: *puec yau dalam Pagap uni*: "naw" = "nao" (đi)
y: *puec yau dalam Pagap uni*: "ley" (ơi, hời)



2. Takai akhar

â: *puec yau "u" dalam sap Yuen. Pagap*: "anâk" (con), manâk (sinh/đẻ), tanâk (nấu)
é: *puec yau "ê" dalam sap Yuen. Pagap*: "Katé" (lễ hội Katé), také (sùng)
u: *puec yau "u" dalam sap Yuen. Pagap*: "manuk" (con gà), su-uk (trả lời), gru (thầy)
ao: *puec yau "ao" dalam sap Yuen. Pagap*: "nao" (đi), kabao (trâu), patao (vua)
ao + akhar matai: *puec yau "o+" dalam sap Yuen. Pagap*: "kathaot" (nghèo), laor (láo), saong (với)
ao + w -> aow: *puec yau "o" dalam sap Yuen. Pagap*: "lamaow" (con bò), pabaow (cừu)
ai: *puec yau "ai" dalam sap Yuen. Pagap*: "mai" (đến), padai (lúa), girai (rồng)
ai + akhar matai: *puec yau "e+" dalam sap Yuen. Pagap*: "tadait Saranai" (kèn Saranai)
ai + y -> aiy: *puec yau "e" dalam sap Yuen. Pagap*: "pabaiy" (con dê)
au: *puec yau "au" dalam sap Yuen. Pagap*: "patau" (đá), rabau (ngàn), malau (ngượng)
ia: *puec yau "i+a" bisamer (cho thật nhanh) dalam sap Yuen. Pagap*: "taphia" (gần), tamia (múa)
ie: *puec yau "i+ơ" bisamer (cho thật nhanh) dalam sap Yuen. Pagap*: "pieh" (giữ, để mà)





---Ikan di Ram---



ရက်...

-@- Kawom cheh Ndom Mayai dalam sap Cam -@-

(<http://www.facebook.com/groups/ndom.mayai.sap.Cam>)